

A. liên kết glicozit. B. liên kết photphodiester. C. liên kết hiđrô. D. liên kết peptit.

7. Phân tử rARN làm nhiệm vụ

A. Truyền đạt thông tin di truyền từ nhân tới tế bào chất. B. Tham gia cấu tạo nên ribôxôm.
C. Vận chuyển axit amin tới ribôxôm để tổng hợp prôtêin. D. Lưu giữ thông tin di truyền.

8. Đặc điểm không có ở tế bào nhân thực là

A. Có màng nhân, hệ thống các bào quan. B. Tế bào chất được chia thành nhiều xoang riêng biệt.
C. Có thành tế bào bằng peptidoglycan. D. Các bào quan có màng bao bọc.

9. Những bộ phận nào của tế bào tham gia việc vận chuyển một protein ra khỏi tế bào?

A. Lưới nội chất hạt, bộ máy Gôngi, túi tiết, màng tế bào.
B. Lưới nội chất trơn, bộ máy Gôngi, túi tiết, màng tế bào.
C. bộ máy Gôngi, túi tiết, màng tế bào.
D. Lizôxôm, bộ máy Gôngi, túi tiết, màng tế bào.

10. Tế bào nào trong các tế bào sau đây có lưới nội chất trơn phát triển nhất?

A. Tế bào biểu bì. B. Tế bào gan. C. Tế bào hồng cầu. D. Tế bào cơ.

11. Ở tế bào thực vật và tế bào nấm, bên ngoài màng sinh chất còn có

A. chất nền ngoại bào. B. lông và roi. C. thành tế bào. D. vỏ nhầy.

12. Không bào lớn, chứa các ion khoáng và chất hữu cơ tạo nên áp suất thẩm thấu lớn có ở loại tế bào nào sau đây?

A. Tế bào lông hút. B. Tế bào lá cây. C. Tế bào cánh hoa. D. Tế bào thân cây.

13. Các chất tan trong lipid được vận chuyển vào trong tế bào qua

A. kênh protein đặc biệt. B. các lỗ trên màng.
C. lớp kép photpholipit. D. kênh prôtêin xuyên màng.

14. Trong các nhóm chất sau, nhóm chất nào dễ dàng đi qua màng tế bào nhất?

A. Nhóm chất tan trong nước và có kích thước nhỏ.

B. Nhóm chất tan trong nước và có kích thước lớn.

C. Nhóm chất tan trong dầu và có kích thước nhỏ.

D. Nhóm chất tan trong dầu và có kích thước lớn.

15. Trong nhiều trường hợp, sự vận chuyển qua màng tế bào phải sử dụng “chất mang”. “Chất mang” chính là các phân tử

A. prôtêin xuyên màng. B. photpholipit. C. prôtêin bám màng. D. colestêrôn.

16. Cơ nguyên sinh là hiện tượng

A. cả tế bào co lại. B. màng nguyên sinh bị dẫn ra.
C. khối nguyên sinh chất của tế bào bị co lại. D. nhân tế bào co làm thể tích tế bào bị thu nhỏ.

17. Khi cho tế bào hồng cầu vào nước cất, hiện tượng xảy ra là

A. tế bào hồng cầu không thay đổi. B. tế bào hồng cầu nhỏ đi.
C. tế bào hồng cầu to ra và bị vỡ. D. tế bào hồng cầu lúc đầu to ra, lúc sau nhỏ lại.

18. Lục lạp và ti thể là 2 loại bào quan có khả năng tự tổng hợp prôtêin cho riêng mình do

A. đều có màng kép và ribôxôm. B. đều có ADN dạng vòng và ribôxôm riêng.
C. đều tổng hợp được ATP. D. đều có hệ enzym chuyển hóa năng lượng.

19. Số liên kết cao năng có trong 1 phân tử ATP là

A. 3 liên kết. B. 2 liên kết. C. 4 liên kết. D. 1 liên kết.

20. Nghiên cứu một số hoạt động sau

- (1) Tổng hợp prôtêin.
- (2) Tế bào thận vận chuyển chủ động urê và glucôzơ qua màng.
- (3) Tim co bóp đẩy máu chảy vào động mạch.
- (4) Vận động viên đang nâng quả tạ.
- (5) Vận chuyển nước qua màng sinh chất

Trong các hoạt động trên, có bao nhiêu hoạt động tiêu tốn năng lượng ATP?

A. 2. B. 3. C. 4. D. 5.

21. Hoạt động đầu tiên trong cơ chế tác động của enzym lên cơ chất là

- A. tạo ra các sản phẩm trung gian. B. tạo ra phức hợp enzym – cơ chất.
C. tạo ra sản phẩm cuối cùng. D. giải phóng enzym khỏi cơ chất.

23. Qua chu trình Crep, mỗi phân tử axetyl – CoA được oxi hóa hoàn toàn sẽ tạo ra bao nhiêu phân tử CO_2 ?

- A. 4 phân tử. B. 1 phân tử. C. 3 phân tử. D. 2 phân tử.

24. Giai đoạn nào trong những giai đoạn sau trực tiếp sử dụng O_2 ?

- A. Đường phân. B. Chu trình Crep.
C. Giai đoạn trung gian giữa đường phân và chu trình Crep D. Chuỗi chuyền electron hô hấp.

25. Cơ sở khoa học của các biện pháp bảo quản nông sản là

- A. tăng nhẹ cường độ hô hấp tế bào. B. giảm nhẹ cường độ hô hấp tế bào.
C. giảm cường độ hô hấp tế bào tới mức tối thiểu. D. Tăng cường độ hô hấp tới mức tối đa.

26. Sự kiện nào sau đây không xảy ra trong pha sáng?

- A. Diệp lục hấp thụ năng lượng ánh sang. B. Nước được phân li và giải phóng điện tử.
C. Cacbohidrat được tạo ra. D. Hình thành ATP.

27. Đặc điểm nào sau đây có ở giảm phân mà không có ở nguyên phân?

- A. Xảy ra sự tiếp hợp và có thể có hiện tượng trao đổi chéo.
B. Có sự phân chia của tế bào chất.
C. Có sự phân chia nhân.
D. NST tự nhân đôi ở kì trung gian thành các NST kép

28. Chất hóa học Cytochalsin B có tác dụng ngăn cản sự hình thành vi ống. Chất này có thể ngăn cản quá trình nào sau đây?

- A. sự nhân đôi ADN. B. sự hình thành thoi phân bào.

C. sự phân đôi tế bào chất.

D. sự hình thành eo thắt tế bào.

II. Tự luận (3đ)

1. a. Nói “kì trung gian là thời gian tế bào nghỉ ngơi giữa hai lần nguyên phân” có đúng không?
Giải thích.
b. Em có nhận xét gì về kì trung gian của các loại tế bào sau: tế bào vi khuẩn, tế bào hồng cầu, tế bào thần kinh, tế bào ung thư?
2. Một gen có 3000 nuclêôtit, trong đó số nuclêôtit loại A chiếm 20%. Hãy xác định:
 - a. Chiều dài và số chu kì xoắn của gen đó
 - b. Số nuclêôtit mỗi loại của gen.
 - c. Số liên kết hiđrô của gen.